

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-A-208 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-A-208 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA TIỂU BANG NORTH CAROLINA NORTH CAROLINA ADMINISTRATIVE OFFICE OF THE COURTS VĂN PHÒNG HÀNH CHÍNH CỦA HỆ THỐNG TÒA ÁN NORTH CAROLINA	CUSTODY MEDIATION INTAKE FORM MẪU TIẾP NHẬN THÔNG TIN CHO CUỘC HÒA GIẢI TRANH CHẤP VỀ QUYỀN GIÁM HỘ CON
---	--

Please complete both sides.
Vui lòng điền đầy đủ cả hai mặt.

County Where Case Is Filed Quận/hạt nơi nộp hồ sơ vụ tranh chấp	Case File Number Số hồ sơ vụ tranh chấp _____ CVD _____
--	---

Will you or the other party need an interpreter? Yes No If yes, what language? _____
Quý vị hoặc đương sự bên kia có cần thông dịch viên không? Có Không Nếu có thì thông dịch ngôn ngữ nào? _____

Today's Date (mm/dd/yyyy) Hôm nay là ngày (tháng/ngày/năm)	Full Name Họ tên đầy đủ	Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)
---	----------------------------	--

Mailing Address Địa chỉ gửi thư	City Thành phố	State Tiểu bang	Zip Mã bưu chính
------------------------------------	-------------------	--------------------	---------------------

Home Telephone No. (including area code) Số điện thoại nhà (gồm cả mã vùng)	Cell No. (including area code) Số điện thoại di động (gồm cả mã vùng)
--	--

Email Address Địa chỉ email	Highest Level Of Education Completed Trình độ học vấn cao nhất đã học xong
--------------------------------	---

Are you currently employed? <input type="checkbox"/> Yes <input type="checkbox"/> No Quý vị hiện có việc làm không? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Employer Chủ thuê lao động	Work Telephone No. (including area code) Số điện thoại chỗ làm (gồm cả mã vùng)
---	-------------------------------	--

Job Title Chức danh	Work Schedule Lịch làm việc
------------------------	--------------------------------

Which is the best number for the mediator to reach you? Home Cell Work Other: _____
Số điện thoại nào thuận tiện nhất khi hòa giải viên cần liên lạc với quý vị? Nhà Di động Chỗ làm Số khác: _____
On which number(s) can the mediator leave a message? Home Cell Work Other: _____
Quý vị cho phép hòa giải viên để lại tin nhắn ở những số điện thoại nào? Nhà Di động Chỗ làm Số khác: _____

Full Name Of The Other Party In This Dispute Họ tên đầy đủ của đương sự bên kia trong tranh chấp này	Telephone No. Số điện thoại	Email Address Địa chỉ email
---	--------------------------------	--------------------------------

The Other Party's Mailing Address Địa chỉ gửi thư của đương sự kia	City Thành phố	State Tiểu bang	Zip Mã bưu chính
---	-------------------	--------------------	---------------------

List the child(ren) in this custody dispute:
Liệt kê thông tin về (các) đứa trẻ trong trường hợp tranh chấp quyền giám hộ này:

Child's Full Name Họ tên đầy đủ của trẻ	Date Of Birth Ngày sinh	Age Tuổi	Grade Lớp	Gender Giới tính	Child Lives With Trẻ đang sống với

(Over)
(Xem mặt sau)

What is your relationship with the child(ren) in this dispute? (check one)

Quan hệ của quý vị đối với (các) đứa trẻ này là gì? (đánh dấu một ô)

- Biological Mother
Mẹ ruột
- Biological Father
Cha ruột
- Grandmother
Bà nội/ngoại
- Grandfather
Ông nội/ngoại
- Adoptive Mother
Mẹ nuôi
- Adoptive Father
Cha nuôi
- Other _____
Quan hệ khác _____

Are children from other relationships living with you?

Quý vị có con nào với người khác mà hiện đang sống chung với quý vị không?

- Yes No Sometimes
 Có Không Thỉnh thoảng

Are you and the other party currently living together?

Quý vị và đương sự kia có sống chung vào lúc hiện tại không?

- Yes No Sometimes
 Có Không Thỉnh thoảng

Relationship status: (check all that apply)

Tình trạng quan hệ: (đánh dấu tất cả các ô thích hợp)

- We never lived together.
Chúng tôi chưa bao giờ sống chung với nhau.
- We are married and separated.
Chúng tôi có giấy hôn thú nhưng đang ly thân.
- I am living with a new partner.
Tôi đang sống chung với người yêu/vợ/chồng khác.
- We previously lived together.
Chúng tôi trước đây đã sống chung với nhau.
- We are divorced.
Chúng tôi đã ly dị.
- We were never married.
Chúng tôi chưa bao giờ có giấy hôn thú với nhau.
- Other: (please specify) _____
Quan hệ khác: (vui lòng cho biết cụ thể) _____

When did you stop living together? (approximate date (mm/dd/yyyy))

Hai người đã thôi sống chung vào hồi nào? (phỏng chừng ngày (tháng/ngày/năm))

What are you hoping to achieve in mediation?

Quý vị mong muốn đạt được kết quả gì từ cuộc hòa giải này?

Is there an existing order in place pertaining to custody (including one from another state, county, or juvenile court) that you are hoping to revise or amend? Yes No

Có án lệnh hiện hành nào liên quan đến quyền giám hộ (gồm cả các lệnh từ tiểu bang, quận/hạt hay tòa án trẻ vị thành niên khác) mà quý vị muốn thay đổi hay bổ sung không? Có Không

If yes, please provide details about the order (case number, county, state, etc.):

Nếu có, vui lòng cho biết thông tin chi tiết về lệnh đó (số vụ, tên quận/hạt, tiểu bang, v.v.):

Everyone disagrees and argues with family and friends now and then. What happens when you and the other party involved in mediation disagree or argue?

Tất cả mọi người đều có lúc gặp chuyện bất đồng ý kiến và tranh cãi với người thân hay bạn bè. Điều gì xảy ra khi quý vị và đương sự kia trong cuộc hòa giải này không đồng ý hay tranh cãi với nhau?

Is there a current or expired Domestic Violence Protective Order or other type of no-contact order between you and the other party?

Yes No

Hiện tại hay trước đây có Lệnh Bảo Vệ Vì Bạo Lực Gia Đình hoặc bất kỳ loại lệnh cấm tiếp xúc nào khác giữa quý vị và đương sự kia không?

Có Không

If yes, what type of no-contact order and when does it expire?

Nếu có, đó là loại lệnh cấm tiếp xúc gì và sẽ hết hạn vào ngày nào?

Have there been any criminal cases involving you and the other party?

Yes No

Có bất kỳ vụ án hình sự nào liên quan đến quý vị và đương sự kia không?

Có Không

If yes, what type? (e.g., trespassing, assault, etc.)

Nếu có, đó là loại vụ án gì? (ví dụ, tội xâm phạm, hành hung, v.v.)

What was the outcome? (e.g., dismissal, acquittal, guilty)

Kết quả vụ án là gì? (ví dụ, tòa án bác bỏ cáo trạng, xử trắng án, xử có tội)

Has Child Protective Services ever investigated the safety of your children?

Cơ Quan Bảo Vệ Trẻ Em có bao giờ tiến hành điều tra về sự an toàn của con quý vị không?

- Yes No
 Có Không

If yes, what date(s) did the investigation begin and end (mm/dd/yyyy)?

Nếu có, cuộc điều tra đó đã bắt đầu và kết thúc vào những ngày nào (tháng/ngày/năm)?

(Over)
(Xem mặt sau)

I fear for my safety around the other party.

Khi ở gần đương sự kia, tôi lo sợ cho sự an toàn của bản thân tôi.

Yes No
Có Không

I fear for my children's safety with the other party.

Khi con của tôi ở gần đương sự kia, tôi lo sợ cho sự an toàn của chúng.

Yes No
Có Không

I have concerns about the other party's drug/alcohol abuse.

Tôi lo lắng vì đương sự kia lạm dụng ma túy/rượu bia.

Yes No
Có Không

If yes to any of the above, please describe: _____

Nếu quý vị trả lời 'Có' đối với bất kỳ câu nào trong các câu trên, vui lòng giải thích: _____

Has the other party threatened you with a weapon?

Đương sự kia có bao giờ dùng vũ khí để đe dọa quý vị không?

Yes No
 Có Không

If yes, what happened as a result? _____

Nếu có, kết cục của chuyện đó là gì? _____

Has the other party threatened to hurt: you himself/herself the children a family pet? No threats were made.

Đương sự kia có bao giờ đe dọa gây hại cho: quý vị bản thân anh/chị ta con cái một thú nuôi trong gia đình?

Không có đe dọa.

If threatened, what happened as a result? _____

Nếu có đe dọa, kết cục của chuyện đó là gì? _____

Has the other party been violent towards you?

Đương sự kia có bao giờ sử dụng bạo lực với quý vị không?

Yes No
 Có Không

If yes, what happened as a result? _____

Nếu có, kết cục của chuyện đó là gì? _____

Fill in this section completely.

Điền đầy đủ thông tin yêu cầu dưới đây.

For the six (6) months before this action was filed:

Trong sáu (6) tháng trước khi nộp đơn kiện này:

The plaintiff lived in (name of state) _____

Nguyên đơn sống ở (tên tiểu bang) _____

The defendant lived in (name of state) _____

Bị đơn sống ở (tên tiểu bang) _____

The child(ren) lived in (name of state) _____

(Các) con sống ở (tên tiểu bang) _____

Name Of Attorney Of Record
Tên của luật sư phụ trách vụ kiện

Mailing Address
Địa chỉ gửi thư

City
Thành phố

State
Tiểu bang

Zip
Mã bưu chính

Attorney's Telephone No. (including area code)
Số điện thoại của luật sư phụ trách (gồm cả mã vùng)

Attorney's Fax No. (including area code)
Số fax của luật sư phụ trách (gồm cả mã vùng)